

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 16 tháng 5 năm 2019  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Thành Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Thanh Sơn.

2. Bà Vũ Thị Hải Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 54, đường V, tổ 6, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**2. Bị đơn:** Chị Phạm Lan H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 02, ngõ 54, đường V, tổ 6, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Anh Nguyễn Hồng T có mặt, chị Phạm Lan H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H được tự do

tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/02/1998 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 06 năm, đến năm 2004 - 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, trong quan hệ gia đình nội, ngoại dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, nhiều lần đánh chửi nhau. Sự việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình và tổ dân phố đều biết và đã hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng tình trạng vẫn không thay đổi mà ngày một trầm trọng hơn. Sau mỗi lần hòa giải, vợ chồng chỉ hòa thuận được một thời gian ngắn, sau đó lại xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Từ tháng 03/2018 đến nay, anh T và chị H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T thấy không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân với chị H được nữa nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với Chị Phạm Lan H.

Về nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T và chị Phạm Lan H có hai con chung là cháu Nguyễn Tú Minh T, sinh ngày 04/6/1999 và cháu Nguyễn Tú Minh A, sinh ngày 27/11/2007. Do cháu Nguyễn Tú Minh T đã đủ 18 tuổi sống tự lập nên anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Tú Minh A, khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tú Minh A, sinh ngày 27/11/2007 là 800.000 đồng/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Anh Nguyễn Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong bản khai ngày 20/12/2018 và bản khai bổ sung ngày 27/02/2019, bị đơn là Chị Phạm Lan H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Lan H trình bày việc kết hôn giữa chị H và anh T giống như anh T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T mắc vào tệ nạn xã hội và có biểu hiện quan hệ ngoại tình, khi chị H khuyên bảo, ngăn cản thì một vài lần bị anh T đánh đập, khiến chị phải trình báo công an và chính quyền địa phương nhờ giúp đỡ, hòa giải, sau khi được chính quyền địa phương hòa giải, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian, rồi lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H thấy vẫn còn tình cảm với anh T, mặt khác do anh T mắc bệnh không làm chủ được lời nói nên mới làm đơn xin ly hôn vì vậy chị H không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hồng T.

Về nuôi con: Chị Phạm Lan H đồng ý với trình bày của anh Nguyễn Hồng T về việc anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tú Minh T, sinh ngày 04/6/1999 và cháu Nguyễn Tú Minh A, sinh ngày 27/11/2007. Trong trường hợp phải ly hôn, thì chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tú Minh A, còn cháu Nguyễn Tú Minh T hiện đã đủ 18 tuổi sống tự lập nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Lan H không yêu cầu anh Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay, chị H đang là công nhân công ty TNHH giày ADORA Việt Nam với thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng đủ điều kiện để chăm sóc cháu Nguyễn Tú Minh A.

Về chia tài sản: Chị Phạm Lan H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Tú Minh A, sinh ngày 27/11/2007 cho Chị Phạm Lan H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Phạm Lan H mỗi tháng là 800.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tú Minh A đủ 18 tuổi. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Chị Phạm Lan H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không do trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị Phạm Lan H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 12/02/1998 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Ninh Bình nên hôn nhân giữa anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H là hợp pháp.

Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H đều thống nhất trình bày trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H đã nhiều lần xảy ra xô sát, cãi nhau phải nhờ công an và tổ dân phố can thiệp, hòa giải. Quá trình xác minh tại Tổ dân

phố 6, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nơi các đương sự chung sống, cũng xác định từ năm 2005 đến nay giữa anh T và chị H luôn xảy ra cãi vã, đánh nhau và đã nhiều lần Tổ dân phố cùng Công an phường phải đến hòa giải. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa anh T và chị H đã nhiều lần xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, vợ chồng không thương yêu, không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm của nhau là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Mâu thuẫn gia đình của anh T và chị H đã được tổ dân phố và Công an phường giải quyết hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay, mà không quan tâm đến nhau. Các đương sự có nhận thức khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mặc dù đã được hòa giải, giúp đỡ nhiều lần nhưng vẫn không có tiếng nói chung, đủ cơ sở khẳng định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Do đó, lý do khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng T phù hợp với căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H có hai con chung là cháu Nguyễn Tú Minh Tâm, sinh ngày 04/6/1999 và cháu Nguyễn Tú Minh A sinh ngày 27/11/2007. Con lớn là Nguyễn Tú Minh T đã đủ 18 tuổi, sống tự lập, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Tú Minh A hiện nay do Chị Phạm Lan H đang trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên đương sự đều có ý kiến nếu trường hợp phải ly hôn thì Chị Phạm Lan H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Tú Minh A, ý kiến của hai bên đương sự phù hợp với nguyên vọng của cháu Nguyễn Tú Minh A nên cần chấp nhận giao cháu Nguyễn Tú Minh A cho Chị Phạm Lan H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng T đề nghị cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tú Minh A mỗi tháng là 800.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi đủ 18 tuổi, Chị Phạm Lan H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tú Minh A vì chị cho rằng chị có công việc ổn định với mức thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng, không cần anh T phải cấp dưỡng. Tuy nhiên xét thấy việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con nên đề nghị của anh T là hợp lý và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản: Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Nguyễn Hồng T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, cho ly hôn giữa Anh Nguyễn Hồng T và Chị Phạm Lan H.

2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Tú Minh A, sinh ngày 27/11/2007 cho Chị Phạm Lan H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Hàng tháng, anh Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tú Minh A là 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Tú Minh A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001336 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Anh Nguyễn Hồng T còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Dương sự;
- UBND P. Bắc Sơn, TP. Tam Điệp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Quách Thành Trung**